

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS LÝ THƯỜNG KIẾT
Tổ: NGŨ VĂN, LS&DL, GDCD

Họ và tên giáo viên:
Trần Thị Thúy Kiều

Bài 4: NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp học sinh:

1. Kiến thức

- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. (Lồng ghép GDANQP)

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: tự đọc sách và học liệu tham khảo, chủ động trong làm việc nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận, ...

*** Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: Phân tích những nhân tố và tình hình phát triển của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Mô tả được đặc điểm phân bố của các ngành nông nghiệp. Mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế, từ đó hình thành ý niệm về sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của một địa phương, phân biệt được vùng nông nghiệp này với vùng khác.
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Mô tả được sự phân hoá không gian của các ngành nông nghiệp; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hóa đó qua một ví dụ cụ thể. Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố nông nghiệp.
- Sử dụng các công cụ của địa lý học: bản đồ, biểu đồ, sơ đồ,...về phân bố các ngành nông nghiệp.
- Khai thác Internet phục vụ môn học: lấy thông tin về sự phát triển nông nghiệp trên các web
- Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế: tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật sự phát triển nông nghiệp của địa phương.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, tích cực lên án hoạt động sản xuất nông nghiệp không an toàn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bảng nhóm, bút lông.
- Phiếu học tập.
- Hình ảnh/ video về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- Các link thông tin tham khảo

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, vở ghi.
- Giấy note làm bài tập trên lớp.
- Giấy A3,4; bút lông màu....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú và tạo tình huống có vấn đề cho HS giải quyết.

b) *Nội dung:* HS làm việc cá nhân, xem video về nông nghiệp Việt Nam và trả lời câu hỏi

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

Nhân tố nào làm thay đổi năng suất lúa của Việt Nam sau những năm 1970: giống lúa, thủy lợi, mùa vụ....

d) *Tổ chức thực hiện*

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV cho HS xem video qua link <https://www.youtube.com/watch?v=NuHyEgFKDak> và trả lời các câu hỏi: *Nhân tố nào làm thay đổi năng suất lúa của Việt Nam sau những năm 1970?*

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS Trả lời câu hỏi theo tiến trình của giáo viên.

- Báo cáo, thảo luận:

+ Các học sinh đưa ra các câu hỏi để thảo luận

- Kết luận, nhận định:

+ GV khéo léo dẫn dắt học sinh vào nội dung bài mới: Vậy nông nghiệp chịu ảnh hưởng của các nhân tố nào? Và hiện nay, thực trạng nền nông nghiệp nước ta có thay đổi như thế nào so với thập niên 70, mời các em vào bài học.

2, HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ NÔNG NGHIỆP

CÁC NHÂN TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

a) *Mục tiêu:* Phân tích một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

b) *Nội dung:* HS làm việc nhóm để tìm hiểu các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

c) *Sản phẩm:* sơ đồ của HS về các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta và phân tích và lấy ví dụ minh họa theo nhóm.



d) *Tổ chức thực hiện*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** hoạt động nhóm: Giáo viên chia lớp thành 8 nhóm, cho học sinh đọc sách giáo khoa vẽ sơ đồ các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta trên khổ giấy A3.

+ **Nhiệm vụ 2:** hoạt động nhóm: phân tích và lấy ví dụ minh họa theo phân công như sau

Nhóm 1: Địa hình và đất

Nhóm 2: Khí hậu

Nhóm 3: Nguồn nước

Nhóm 4: Sinh vật

Nhóm 5: Dân cư và nguồn lao động

Nhóm 6: Chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất

Nhóm 7: Thị trường tiêu thụ

Nhóm 8: Cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ **Nhiệm vụ 1:** Học sinh làm việc nhóm, đọc sách giáo khoa, vẽ sơ đồ trong thời gian 5 phút.

+ **Nhiệm vụ 2:** Các nhóm học sinh làm việc trong thời gian 3 phút, phân tích và lấy được ví dụ minh họa trên thực tế của từng nhóm nhân tố

- **Báo cáo, thảo luận:**

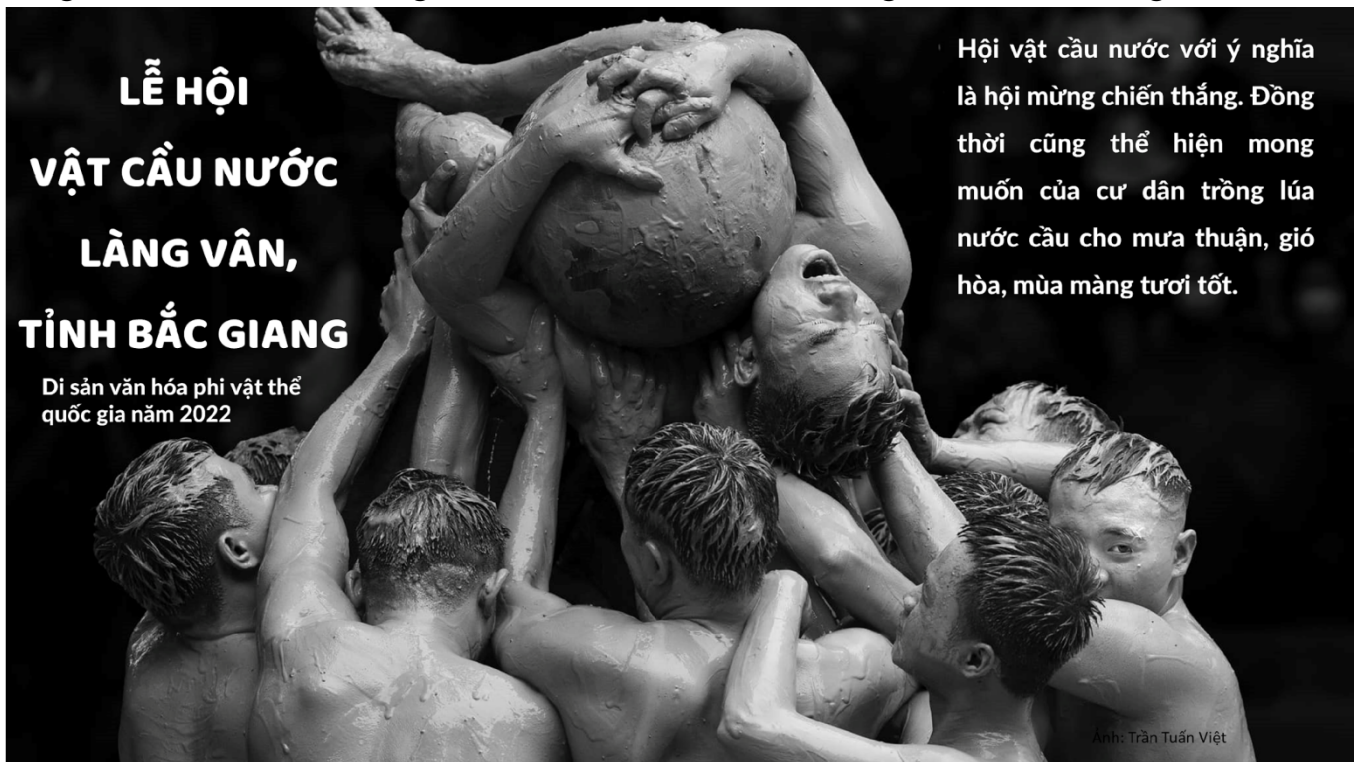
+ **Nhiệm vụ 1:** Giáo viên gọi HS trưng bày sản phẩm và trình bày trên bảng, GV tổng hợp lại các nhân tố chính ảnh hưởng là: các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế-xã hội. Trong nhóm nhân tố tự nhiên lại chia ra: địa hình và đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật; Nhóm nhân tố kinh tế-xã hội gồm: dân cư và nguồn lao động, chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất, thị trường tiêu thụ, cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ.

- + **Nhiệm vụ 2:** Giáo viên gọi học sinh bất kỳ trong nhóm lên trình bày, các học sinh trong nhóm đó hoặc các nhóm có cùng nội dung bổ sung cho hoàn chỉnh.
- + Các học sinh thuộc nhóm khác thảo luận, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.
- + Giáo viên dẫn dắt, mở rộng và làm rõ các vấn đề sau:

Khí hậu nhiệt đới gió mùa với độ ẩm không khí cao dễ gây sâu bệnh, tình trạng biến đổi khí hậu và các hiện tượng thiên tai tác động đến năng suất và sản lượng nông sản. Ví dụ minh họa về mưa đá gây thiệt hại lớn ở Sơn La vào chiều 24-4-2024 <https://tuoitre.vn/mua-da-chua-tung-co-phu-trang-nui-doi-o-son-la-hoa-binh-20240424180749807.htm>

Cùng thời điểm đó thì ở miền Nam: Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ đang gồng mình với hạn hán: <https://vnexpress.net/tay-nguyen-gong-minh-chong-han-4730392.html>

Do đó, với nền văn hóa lúa nước, Việt Nam có nhiều lễ hội cầu mùa, trong đó có lễ hội văn hoá Vật cầu nước Làng Vân được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2022. Lễ hội này là nét tín ngưỡng thờ Thần Mặt Trời dân gian mang đặc trưng văn hóa lúa nước, với ý nghĩa là hội mừng chiến thắng. Đồng thời cũng thể hiện mong muốn của cư dân trồng lúa nước cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt.



- Kết luận, nhận định:

- + GV chuẩn kiến thức
- + HS ghi bài
- + GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tìm hiểu nội dung tiếp theo: tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp (mục b và 2. lâm nghiệp), tìm kiếm các hình ảnh liên quan đến thực trạng phát triển nông nghiệp Việt Nam. Nhận xét các bảng số liệu có trong SGK.

Hoạt động 2: TÌM HIỂU VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

a) *Mục tiêu:* HS trình bày được tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp, khai thác được bản đồ Hình 4.1. Bản đồ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam, năm 2021 và các bảng số liệu liên quan.

b) *Nội dung:* Học sinh làm việc cả lớp, nhóm khai thác bản đồ, bảng số liệu theo PHT cho sẵn.

c) *Sản phẩm:*

- Câu trả lời của HS.
- Sản phẩm gợi ý: phiếu phản hồi phần phụ lục

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Giáo viên chia lớp thành 4/ 8 nhóm tùy số lượng học sinh và giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo PHT số 1, phân công cụ thể như sau:

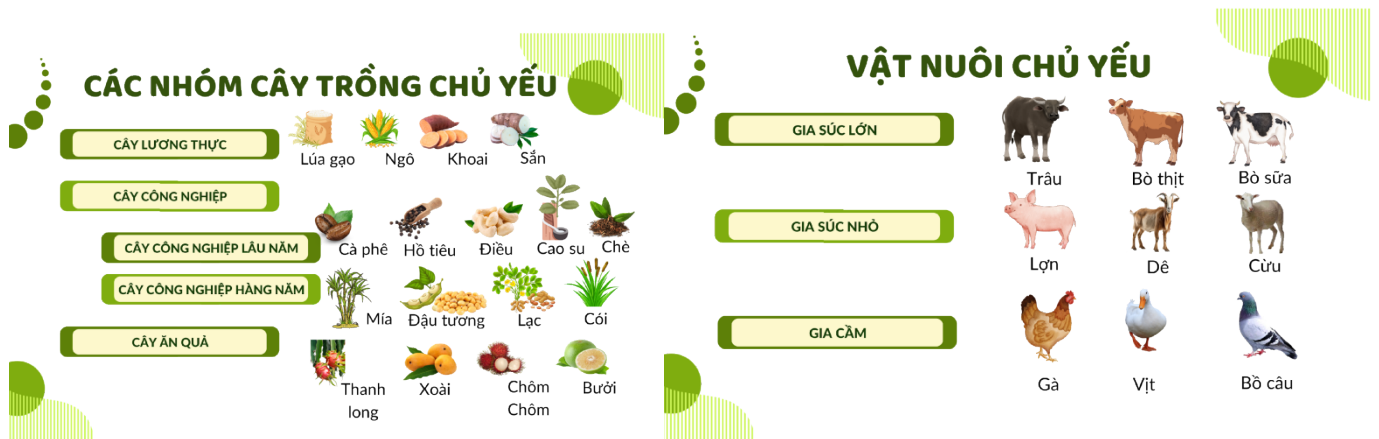
- *Nhóm 1: Ngành trồng cây lương thực*
- *Nhóm 2: Ngành trồng cây công nghiệp*
- *Nhóm 3: Ngành trồng cây ăn quả và tình hình ngành trồng trọt*
- *Nhóm 4: Ngành chăn nuôi*

Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, hoàn thành PHT giáo viên đưa ra trong thời gian 3 phút.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ Trước mỗi nhóm 1 trình bày, GV phân biệt các nhóm cây trồng, vật nuôi chính ở Việt Nam để giúp học sinh hệ thống và phân biệt được các sản phẩm chính



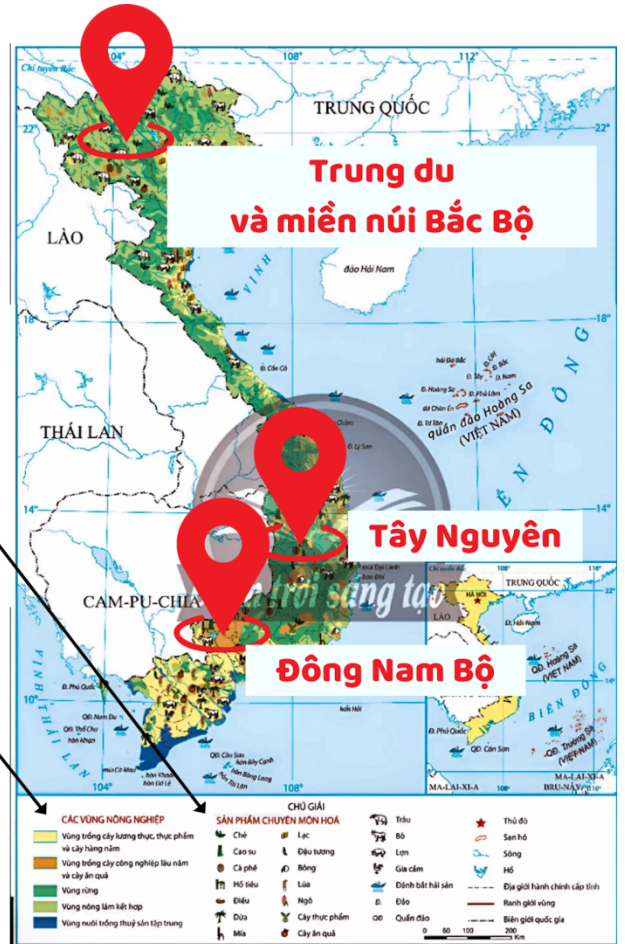
+ GV gọi HS bất kỳ trong nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, phản biện, đặt câu hỏi. Sau mỗi nhóm trình bày, GV gọi HS lên chỉ trên bản đồ phân bố của các sản phẩm nông nghiệp chính. GV hướng dẫn HS quan sát bảng chú giải cụ thể với từng sản phẩm

CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM

	Chè
	Cao su
	Cà phê
	Hồ tiêu
	Đề-ô
	Dừa

CÁC VÙNG NÔNG NGHIỆP	
	Vùng trồng cây lương thực, thực phẩm và cây hàng năm
	Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả
	Vùng rừng
	Vùng nông lâm kết hợp
	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung

- Phân bố ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, hồ tiêu, đề-ô,...)
- Cây công nghiệp cận nhiệt đới (chè).



+ GV đặt thêm một số câu hỏi để HS giải quyết nhằm làm rõ các vấn đề:

1. Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng và là 2 vựa lúa lớn nhất nước ta?
2. Tại sao nước ta có thể trồng được cả cây công nghiệp nhiệt đới và cận nhiệt?
3. Tại sao ngành chăn nuôi của nước ta ngày càng phát triển và đang chuyển hướng sang chăn nuôi trang trại.

GỢI Ý TRẢ LỜI

1. Đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất nước ta vì: hội tụ được nhiều điều kiện thuận lợi cho trồng lúa :
 - + Là 2 đồng bằng châu thổ, đất phù sa màu mỡ.
 - + Khí hậu nóng, ẩm (ĐBSCL là cận xích đạo gió mùa, ĐBSH là nhiệt đới ẩm gió mùa)
 - + Tài nguyên nước phong phú
 - + Dân số đông, lao động dồi dào và giàu kinh nghiệm trong sản xuất lúa gạo
 - + Thị trường rộng và hướng ra xuất khẩu
 - + Cơ sở vật chất, khoa học kĩ thuật đang được cải tiến.
2. Nước ta ngoài trồng các cây công nghiệp nhiệt đới vẫn có thể trồng được một số cây có nguồn gốc cận nhiệt vì: khí hậu nước ta phân hoá theo độ cao và bắc - nam. Ở những nơi có độ cao lớn, khí hậu mát mẻ quanh năm có thể trồng được chè như ở Lâm Đồng, hoặc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.
3. Ngành chăn nuôi của nước ta ngày càng phát triển và đang chuyển hướng sang chăn nuôi trang trại vì cơ bản nước ta đã đảm bảo được nguồn thức ăn (thức ăn từ tự

nhiên (đồng cỏ), thức ăn từ ngành trồng trọt, thức ăn chế biến công nghiệp), có nhiều cải tiến về giống, thú y, chế biến....; thị trường ngày càng mở rộng....

+ Giáo viên cho HS so sánh tỷ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp: ngành trồng trọt vẫn chiếm tỉ trọng cao >>> phản ánh ngành nông nghiệp vẫn chưa cân đối, tuy nhiên so với trước đây đã có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ của ngành



+ Giáo viên cho HS nhận xét bảng số liệu 4.2. Số lượng một số gia súc và gia cầm ở nước ta giai đoạn 2010-2021.

+ GV cho HS thực hiện kỹ thuật Think-Pair- Share về vấn đề, có câu nói “*Con trâu là đầu cơ nghiệp*”; “*Tậu trâu, cưới vợ, làm nhà. Cả ba việc ấy thật là khó thay*” (tục ngữ) có còn chính xác trong thời đại hiện nay nữa không? Lý do tại sao. >>> Với nền văn minh lúa nước hàng nghìn năm, trâu được xem là một trong các biểu tượng của văn hóa Việt, nhưng hiện nay vai trò sức kéo đã bị thay thế bởi các máy móc hiện đại nên số lượng giảm dần.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV kết luận, chuẩn kiến thức.

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

+ GV

Hoạt động 3: TÌM HIỂU VỀ LÂM NGHIỆP

a) *Mục tiêu:* HS phân tích đặc điểm phân bố tài nguyên rừng, trình bày đặc điểm phát triển và phân bố lâm nghiệp ở nước ta.

b) *Nội dung:* Học sinh làm việc cá nhân, cả lớp khai thác bảng số liệu về diện tích rừng và tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp.

c) *Sản phẩm:*

- Câu trả lời của HS.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + Nhiệm vụ 1: GV cho HS làm việc cá nhân nhận xét bảng số liệu 4.3 trên giấy nháp trong thời gian 2 phút nhằm rèn luyện khả năng làm việc với bảng số liệu của HS.
- + Nhiệm vụ 2: GV cho HS làm việc cả lớp để phân biệt các loại rừng, phân biệt 2 hoạt động của lâm nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ:

- + Nhiệm vụ 1: HS làm việc cá nhân 2 phút, Gv hỗ trợ giúp đỡ Hs còn khó khăn.
- + Nhiệm vụ 2: HS đọc SGK và phân biệt các loại rừng, các hoạt động lâm nghiệp theo sự dẫn dắt của GV

- Báo cáo, thảo luận:

- + Nhiệm vụ 1: GV gọi HS bất kỳ trình bày, 2 HS ở dưới đôi PHT và chấm chéo cho nhau theo thang điểm

Giai đoạn 2010-2021,

- Tổng diện tích rừng tăng (1 điểm) lên 1,3 triệu ha (1 điểm)
 - Diện tích rừng tự nhiên giảm nhẹ (1 điểm) 0,1 triệu ha (1 điểm)
 - Diện tích rừng trồng tăng (1 điểm) lên 1,4 triệu ha (1 điểm)
- >>> diện tích rừng nước ta tăng lên do tăng diện tích rừng trồng (2 điểm), cơ bản chúng ta giữ vững được rừng tự nhiên (1 điểm) >>> độ che phủ rừng tăng (1 điểm).
- + Nhiệm vụ 2: Hs phân biệt được các loại rừng, cho được ví dụ minh họa, GV cho HS xem 1 số hình ảnh minh họa

+ *Rừng phòng hộ: Theo khoản 3 Điều 5 Luật Lâm nghiệp 2017, rừng phòng hộ là rừng được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.*


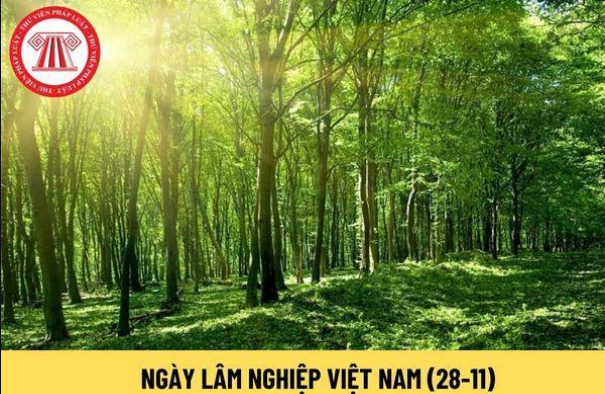
+ *Rừng đặc dụng: Theo khoản 2 Điều 5 Luật Lâm nghiệp 2017, rừng đặc dụng là rừng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.*

+ *Rừng sản xuất: Theo khoản 4 Điều 5 Luật Lâm nghiệp 2017, rừng sản xuất là loại rừng được sử dụng chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.*

- Có thể xem thêm thông tin <https://lawnet.vn/thong-tin-phap-luat/tu-van-luat/tieu-chi-rung-tu-nhien-rung-trong-rung-dac-dung-rung-phong-ho-va-rung-san-xuat-120785.html>

		
Hơn 1.000 ha rừng phòng hộ ven biển đã được phục hồi sau khi có kè tạo bãi ở Cà Mau	Rừng sản xuất trồng bạch đàn cao sản	Rừng đặc dụng: vườn quốc gia cúc phương

+ Gv cho Hs xem hình về các hoạt động lâm nghiệp

	
--	---

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV kết luận, chuẩn kiến thức.

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

Hoạt động 4: TÌM HIỂU VỀ THỦY SẢN

a) *Mục tiêu:* HS phân tích đặc điểm nguồn lợi thủy sản, trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản ở nước ta.

b) *Nội dung:* Học sinh chơi trò chơi về đặc điểm và tình hình ngành thủy sản nước ta.

c) *Sản phẩm:*

- Câu trả lời của HS.

STT	CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
1	Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km?	3.260 km
2	Điều kiện thuận lợi để nuôi thủy sản nước ngọt là	mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc
3	Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành khai thác thủy sản biển là	vùng biển rộng, nguồn hải sản phong phú
4	Kể tên 1 trong các ngư trường	Hải Phòng - Quảng Ninh, quần đảo Hoàng Sa - quần

	của nước ta.	đảo Trường Sa, Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau - Kiên Giang.
5	Điều kiện thuận lợi để nuôi thủy sản nước lợ là	hiều vũng vịnh, đầm phá
6	Kể tên 1 trong những tỉnh dẫn đầu sản lượng khai thác thủy sản nhất nước ta.	Kiên Giang/ Bà Rịa - Vũng Tàu/ Cà Mau/ Quảng Ngãi/ Bình Định,...
7	Kể tên 1 trong những tỉnh dẫn đầu sản lượng nuôi trồng thủy sản nhất nước ta.	An Giang/ Cà Mau/ Quảng Nam/ Hải Phòng,...
8	Kể tên 1 trong những loại thủy sản nuôi trồng phổ biến ở nước ta.	tôm hùm/ tôm thẻ/ tôm sú/ cá da trơn/ cá bớp/ cá mú,...

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, HS đọc SGK phần 3 trong thời gian 4 phút và thi đua trả lời câu hỏi ngắn.



Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh trả lời câu hỏi trên bảng đen, mỗi câu hỏi đúng ghi nhận được 10 điểm.

- Báo cáo, thảo luận:

+ GV cho HS xung phong nhận xét Hình 4.2. sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2012-2021

+ GV gọi HS lên bảng Xác định và chỉ trên bản đồ các vùng nuôi thủy sản tập trung

+ GV đặt vấn đề để HS giải quyết theo kỹ thuật khăn trải bàn: tại sao ngành nuôi trồng của nước ta nhiều hơn và tăng nhanh hơn ngành khai thác

- Hs suy nghĩ và viết ý kiến cá nhân vào vị trí của mình trong thời gian 2 phút.

- 2 phút thảo luận và lấy ý kiến chung của cả nhóm

+ GV gọi Hs trình bày và rút ra kết luận: Chăn nuôi thủy sản nhiều hơn và tăng nhanh

hơn ngành khai thác vì:

- Đáp ứng tốt hơn nhu cầu của con người
- Chủ động nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; thời gian/ chủng loại xuất bán
- Nước ta cũng có nhiều điều kiện để phát triển ngành thủy sản nuôi trồng (diện tích mặt nước, lao động, thị trường....)

+ GV cho HS xem hình/ video về ngành nuôi trồng rong biển để HS hiểu rõ hơn khái niệm nuôi trồng thủy hải sản (nuôi với động vật – trồng với thực vật)

<https://www.youtube.com/watch?v=k1TON7welWI>

+ GV cho HS xem hình/ video về ngành nuôi trồng rong biển để HS hiểu rõ hơn khái niệm nuôi trồng thủy hải sản (nuôi với động vật – trồng với thực vật)

<https://www.youtube.com/watch?v=k1TON7welWI>

+ GV cho HS xem hình về các phương pháp đánh bắt hải sản truyền thống (cào don, đi cà kheo đánh cá (nam định), đánh cá bằng rớ chồ...). Đây là phương pháp đánh cá truyền thống của ngư dân vùng nước nông và cửa biển. Hiện nay, thủy sản ven bờ bị suy giảm nên cần đẩy mạnh đánh bắt xa bờ không những đem lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao thu nhập cho ngư dân mà còn góp phần giữ vững chủ quyền biển đảo tổ quốc



+ GV gọi HS để chốt nội dung chính ghi bài.

- Kết luận, nhận định:

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV kết luận, chuẩn kiến thức.

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

Hoạt động 5: TÌM HIỂU VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH

a) Mục tiêu: HS trình bày được ý nghĩa quan trọng của phát triển nông nghiệp xanh đối với nước ta.

b) Nội dung: Học sinh đóng vai là chuyên gia nông nghiệp thuyết phục người dân phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp xanh.

c) Sản phẩm: phần đóng vai của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Giáo viên đặt vấn đề về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, thực phẩm sạch là vấn đề nóng bỏng hiện nay qua mục “Độc báo giùm bạn”

+ HS hoạt động cá nhân nêu 3 lí do thực phẩm bản hiện nay lại xuất hiện nhiều và 3 lí do tại sao phải phát triển nông nghiệp xanh.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS suy nghĩ và viết ra giấy note trong 3 phút

- Báo cáo, thảo luận:

+ Hs xung phong trình bày trong thời gian tối đa 2 HS/ phút

+ GV định hướng giúp HS hiểu rõ hơn về khái niệm “phát triển bền vững”

<https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/phat-trien-ben-vung-la-gi> : Phát triển bền

vững (Sustainable Development) là một khái niệm quan trọng định nghĩa về quá trình

phát triển đáp ứng nhu cầu mọi mặt của xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục

phát triển của thế hệ tương lai. Nói cách khác, phát triển bền vững nhằm mục tiêu tạo

ra một sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

Có ba trụ cột chính của phát triển bền vững:

- *Kinh tế: Tăng trưởng kinh tế bền vững nhằm mục tiêu tạo ra sự phồn thịnh và ổn định kinh tế mà không làm kiệt quệ các tài nguyên thiên nhiên và dẫn đến hậu quả tiêu cực về lâu dài.*

- *Xã hội: Công bằng xã hội và việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng, đảm bảo mọi người có quyền tiếp cận với giáo dục, y tế và cơ hội làm việc trong một xã hội ổn định và công bằng.*

- *Môi trường: Bảo vệ và bảo tồn môi trường cho tương lai, bao gồm việc giảm thiểu ô nhiễm, bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.*

+ GV cho HS xem video về “Cách Mạng Nông Nghiệp Xanh Là Gì - Nông Nghiệp Xanh Tại Việt Nam đang ở đâu?”

https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=N-_qRfqisQs

- Kết luận, nhận định:

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc, cho điểm các HS xuất sắc.

+ GV kết luận, chuẩn kiến thức.

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

Lồng ghép GDANQP: Một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. LUYỆN TẬP

a) *Mục tiêu:* Kiểm tra, ôn tập lại nội dung đã học.

b) *Nội dung:* Học sinh chơi trò chơi “ĐÔI MẮT TINH ANH”

c) *Sản phẩm:* các từ khóa HS tìm được và trình bày nhanh đặc điểm nông nghiệp Việt Nam hiện nay

Cây công nghiệp/ nhiệt đới ẩm gió mùa/ cơ cấu đa dạng/ phù sa/ nước tưới/ đồng cỏ/ sâu bệnh/ thiên tai/ thị trường/ chính sách/ công nghệ/ lúa gạo/ đồng bằng/ cây ăn quả/ sinh kế/ trang trại/ độ che phủ rừng/ rừng phòng hộ/ rừng đặc dụng/ rừng sản xuất/ lâm sản/ bảo vệ rừng/ đằm phá/ ngư trường/ nuôi trồng/ khai thác/ cạnh tranh/ tiết kiệm năng lượng/ ô nhiễm môi trường/ nông nghiệp bền vững
--



ĐÔI MẮT TINH ANH



E	T	A	B	Ô	C	Â	Y	Ă	N	Q	U	Ả	Ã	K	H	A	I	T	H	Á	C
T	H	H	R	Đ	Û	V	Ỏ	N	G	Ư	T	R	Ư	Ờ	N	G	E	S	Ù	Ơ	Ạ
N	Ị	C	Ạ	N	H	T	R	A	N	H	Ư	R	Đ	Ê	P	H	Ù	S	A	L	M
Ú	T	A	S	C	Ơ	C	Á	U	Đ	A	D	Ạ	N	G	U	H	K	Ú	T	P	Ú
N	R	C	Â	Đ	Đ	N	L	Â	M	S	Ả	N	Y	T	P	A	G	C	O	P	N
Ê	Ư	Ồ	U	Ồ	Ồ	H	Ừ	H	I	O	O	T	Ồ	I	O	Í	L	Â	P	A	Ô
Đ	Ờ	Ó	B	N	N	Ị	Ụ	Ớ	T	Ế	L	H	K	Ế	Ư	Ồ	C	Y	G	Ồ	N
Ồ	N	R	Ệ	G	G	Ệ	Ư	L	R	M	A	I	Ạ	T	C	Ù	G	C	N	T	G
N	G	C	N	C	B	T	Ù	Ụ	A	C	V	Ê	Ó	K	Â	Đ	P	Ô	Ờ	R	N
G	O	N	H	Ỏ	C	Đ	Ồ	S	N	H	E	N	B	I	Y	Ộ	R	N	Ư	Ừ	G
B	Ặ	A	A	Ớ	Ồ	Ớ	Í	I	G	Í	Ê	T	Ả	Ệ	C	C	Ừ	G	R	N	H
À	Ệ	Ô	Ư	N	R	I	É	N	T	N	Y	A	O	M	Ô	H	N	N	T	G	I
N	Đ	N	G	T	N	Ă	Ồ	H	R	H	E	I	V	N	N	E	G	G	I	Đ	Ệ
G	Q	C	H	Q	P	M	T	K	Ạ	S	Ư	Y	Ệ	Ả	G	P	S	H	Ô	Ặ	P

- Cây công nghiệp
- Nhiệt đới ẩm gió mùa
- Cơ cấu đa dạng
- Phù sa
- Nước tưới
- Đồng cỏ
- Sâu bệnh
- Thiên tai
- Thị trường
- Chính sách
- Công nghệ
- Lúa gạo
- Đồng bằng
- Cây ăn quả
- Sinh kế
- Trang trại
- Độ che phủ rừng
- Rừng phòng hộ
- Rừng đặc dụng
- Rừng sản xuất
- Lâm sản
- Bảo vệ rừng
- Đầm phá
- Ngư trường
- Nuôi trồng
- Khai thác
- Cạnh tranh
- Tiết kiệm năng lượng
- Ô nhiễm môi trường
- Nông nghiệp bền vững

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên nêu luật chơi

E	T	A	B	Ô	C	Â	Y	Ă	N	Q	U	Ả	Ã	K	H	A	I	T	H	Á	C
T	H	H	R	Đ	Û	V	Ỏ	N	G	Ư	T	R	Ư	Ờ	N	G	E	S	Ù	Ơ	Ạ
N	Ị	C	Ạ	N	H	T	R	A	N	H	Ư	R	Đ	Ê	P	H	Ù	S	A	L	M
Ú	T	A	S	C	Ơ	C	Á	U	Đ	A	D	Ạ	N	G	U	H	K	Ú	T	P	Ú
N	R	C	Â	Đ	Đ	N	L	Â	M	S	Ả	N	Y	T	P	A	G	C	O	P	N
Ê	Ư	Ồ	U	Ồ	Ồ	H	Ừ	H	I	O	O	T	Ồ	I	O	Í	L	Â	P	A	Ô
Đ	Ờ	Ó	B	N	N	Ị	Ụ	Ớ	T	Ế	L	H	K	Ế	Ư	Ồ	C	Y	G	Ồ	N
Ồ	N	R	Ệ	G	G	Ệ	Ư	L	R	M	A	I	Ạ	T	C	Ù	G	C	N	T	G
N	G	C	N	C	B	T	Ù	Ụ	A	C	V	Ê	Ó	K	Â	Đ	P	Ô	Ờ	R	N
G	O	N	H	Ỏ	C	Đ	Ồ	S	N	H	E	N	B	I	Y	Ộ	R	N	Ư	Ừ	G
B	Ặ	A	A	Ớ	Ồ	Ớ	Í	I	G	Í	Ê	T	Ả	Ệ	C	C	Ừ	G	R	N	H
À	Ệ	Ô	Ư	N	R	I	É	N	T	N	Y	A	O	M	Ô	H	N	N	T	G	I
N	Đ	N	G	T	N	Ă	Ồ	H	R	H	E	I	V	N	N	E	G	G	I	Đ	Ệ
G	Q	C	H	Q	P	M	T	K	Ạ	S	Ư	Y	Ệ	Ả	G	P	S	H	Ô	Ặ	P

B	Ô	N	A	G	S	G	A	É	I	Á	V	Ạ	R	N	N	H	Ả	Ệ	M	C	B
È	Ạ	N	N	U	Ô	I	T	R	Ồ	N	G	A	Ừ	G	G	Ủ	N	Í	M	D	È
C	Ó	Ạ	O	A	Ồ	Ó	A	I	Q	H	G	T	N	L	H	R	X	A	Ễ	Ụ	N
Y	Ạ	N	N	L	Â	M	S	Ả	N	Ế	Ú	N	G	Ư	I	Ừ	U	H	I	N	V
C	O	I	E	Ừ	Í	Ừ	Đ	À	M	P	H	Á	Ồ	Ợ	Ệ	N	Ả	Ệ	H	G	Ữ
N	Ủ	Ú	C	A	Ệ	A	A	K	A	C	A	Ạ	Ồ	N	P	G	T	A	N	A	N
G	V	Ừ	R	Ừ	N	G	P	H	Ồ	N	G	H	Ộ	G	Ú	O	Í	Ủ	Ô	O	G
G	V	Ừ	R	I	E	Ừ	P	H	Ồ	T	Á	U	X	N	Ả	S	G	N	Ừ	R	G

+ Các em được phát 1 bộ PHT, các em tìm được từ khóa nào thì tô màu và viết sang bên, thời gian 5 phút. Sau 5 phút nhóm nào tìm được nhiều từ khóa nhất thì chiến thắng.

+ HS xung phong thuyết trình về đề tài nông nghiệp Việt Nam dựa trên những từ khóa tìm được để lấy điểm.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chơi trò chơi

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho thảo luận các vấn đề (nếu có)

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

4. VẬN DỤNG

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức vào thực tiễn, HS sưu tầm thông tin và hình ảnh về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta.

b) *Nội dung:* Học sinh làm bài về nhà theo hướng dẫn của giáo viên

c) *Sản phẩm:* bài làm của học sinh.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên hướng dẫn học sinh sưu tầm và sắp xếp thông tin, hình ảnh về một trong những ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc ở nhà.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS nộp bài vào tiết sau.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS LÝ THƯỜNG KIẾT
Tổ: NGŨ VĂN, LS&ĐL, GDCD

Họ và tên giáo viên:
Trần Thị Thúy Kiều

Bài 5: THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÓ HIỆU QUẢ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp học sinh:

1. Kiến thức

- Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

2. Năng lực

* **Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, làm việc độc lập và làm việc nhóm giải quyết các vấn đề thực tế, có tư duy tổng hợp, phân tích, đánh giá vấn đề.

* **Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức Địa lí: Trình bày được một số thông tin về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả..

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: Sử dụng công cụ Địa lí qua lược đồ, biểu đồ, hình ảnh, video... về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí: Tìm kiếm thông tin trên Internet về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả; Thiết kế logo sản phẩm chỉ dẫn địa lí ở địa phương.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thông qua tìm kiếm tư liệu về địa phương.

- Trách nhiệm với nhiệm vụ của mình, với nhiệm vụ nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1, Giáo viên

- Hình ảnh, phiếu học tập làm việc nhóm.

- Bài trình chiếu, các link website....

- Tranh ảnh, video, các thông tin về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

- Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm.

2, Học sinh

- Giấy note để ghi chú.

- Sách giáo khoa và vở ghi; giấy A4, bút màu, thiết bị internet...

- Thiết bị kết nối internet

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS ở tiết đầu tiên của môn Địa lí.

b) *Nội dung:* HS chơi trò chơi AI LÀ “NGƯỜI TIÊU DÙNG THÔNG MINH”

c) *Sản phẩm:* HS nhìn logo và đoán ra sản phẩm có thương hiệu, xuất xứ của sản phẩm đó.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV dẫn dắt: Trong xu hướng chung của thị trường hiện nay, uy tín thương mại của danh

hiệu được tạo dựng qua các dấu hiệu được gắn liền với hàng hóa của họ như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý....trong đó với các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ sẽ tạo được niềm tin đối với người tiêu dùng về nguồn gốc chất lượng và thương hiệu, của sản phẩm, Việt Nam có nhiều sản phẩm như thế.

+ GV nêu luật chơi: các em thử tài nhận diện được thương hiệu. Mỗi logo xuất hiện, các em giờ tay dành quyền trả lời về sản phẩm, nơi sản xuất (tỉnh).



- Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV cho xuất hiện từng hình, HS giờ tay phát biểu.

- Báo cáo, thảo luận:

+ GV đặt vấn đề cho HS thảo luận: sản phẩm được chỉ dẫn địa lý theo em cần có quy trình sản xuất như thế nào?

- Kết luận, nhận định:

+ GV khéo léo dẫn dắt học sinh vào nội dung liên quan đến bài học một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

2, HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÓ HIỆU QUẢ.

a) *Mục tiêu:* tìm kiếm thông tin và viết báo cáo ngắn.

b) *Nội dung:* HS làm việc nhóm và cả lớp để và viết báo cáo ngắn về một trong các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả ở nước ta.

c) *Sản phẩm:* các nhóm viết báo cáo và thuyết trình về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

d) *Tổ chức thực hiện*

*** Bước 1 – Chuyển giao nhiệm vụ**

● Trước giờ lên lớp:

- Các nhóm chuẩn bị trước nội dung ở nhà để tìm hiểu về về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả..

- Nghiên cứu bài học ở nhà, giáo viên chia lớp thành 3/6 nhóm tùy theo số của HS và chuẩn bị nội dung thuyết trình theo hướng dẫn của giáo viên, nội dung cơ bản về các đề tài nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái,... Cấu trúc cơ bản như sau:

4. Quan niệm về mô hình sản xuất nông nghiệp
5. Những điều kiện để phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp
6. Một số sản phẩm nông nghiệp cụ thể được sản xuất từ mô hình

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS làm việc ở nhà

* GV hỗ trợ HS, cung cấp các đường Link và công cụ hỗ trợ nếu cần thiết cho các em.

4. <https://nongnghiep.vn/video/phat-huy-tiem-nang-nong-nghiep-xanh-tv338327.html>
5. <https://nongsanviet.nongnghiep.vn/>
6. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/ky-2-nhung-mo-hinh-san-xuat-nong-nghiep-huu-co-trong-thuc-te-587275.html>
7. <https://nhandan.vn/giai-phap-phat-trien-mo-hinh-san-xuat-nong-nghiep-theo-huong-kinh-te-tuan-hoan-post754519.html>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Trong giờ lên lớp:

Vòng 1: báo cáo sản phẩm

- Mỗi nhóm báo cáo sản phẩm trong thời gian tối đa là 5 phút.

- Các nhóm lắng nghe, ghi chép và đặt câu hỏi cho các nhóm khác, các nhóm có câu hỏi hay sẽ được điểm cộng.

- GV cho HS xem thêm video những mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với nhiều những ưu điểm nổi trội như giúp giảm sự tác động của thời tiết, giảm công lao động, thuận tiện trong chăm sóc cây trồng cũng như quản lý sinh vật gây hại. Vì thế mà phong trào phát triển nông nghiệp công nghệ cao đã và đang được nhiều địa phương lựa chọn.

<https://www.youtube.com/watch?v=dJUIq2OOMVs>

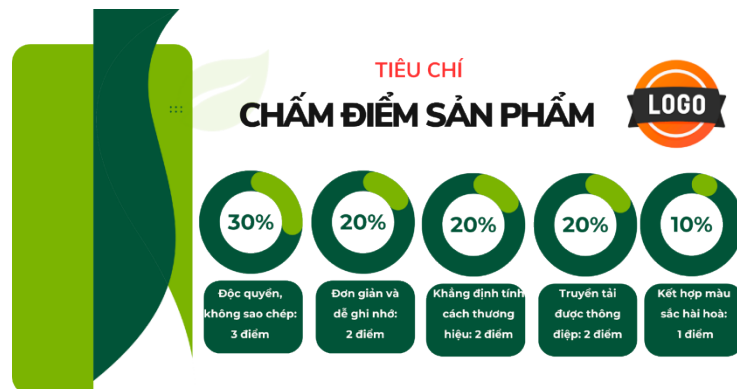
Vòng 2: Tổ chức “THIẾT KẾ LOGO SẢN PHẨM”



- Các nhóm thiết kế logo cho sản phẩm nhóm vừa thực hiện. GV công bố tiêu chí chấm điểm logo để Hs đánh giá đồng đẳng như sau:

TIÊU CHÍ	ĐIỂM
- Độc quyền, không sao chép	3
- Đơn giản và dễ ghi nhớ	2

- Khẳng định được tính cách thương hiệu	2
- Truyền tải được thông điệp	2
- Kết hợp màu sắc hài hoà	1



+ Các nhà nhóm chấm điểm cho nhau, dựa vào các tiêu chí trong phiếu đánh giá.

- **Liên hệ:** GV cho HS xem video, hình ảnh về mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

* GV ghi nhận điểm số/ điểm cộng cho nhóm xuất sắc nhất, GV chốt kiến thức, HS ghi chú bài học.

3. LUYỆN TẬP

a) *Mục tiêu:*

- Giúp học sinh gắn nội dung bài học với thực tiễn.
- Kích thích tư duy sáng tạo của HS.

b) *Nội dung:* Học sinh đặt slogan cho sản phẩm

c) *Sản phẩm:* Slogan và hô to slogan của cả nhóm

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS suy nghĩ, thống nhất lựa chọn slogan cho sản phẩm của nhóm mình, sau khi lựa chọn hãy hô to slogan khi được yêu cầu.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn slogan

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho từng nhóm, đứng lên hô to slogan, các nhóm bình chọn slogan ý nghĩa và được hô đều nhất.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

+ Giáo viên có thể chấm điểm hoạt động tiết học của HS trong tiết thực hành theo tiêu chí ở phần phụ lục.

4. VẬN DỤNG

a) *Mục tiêu:* Tìm hiểu về các sản phẩm, mô hình nông nghiệp có hiệu quả tại địa phương.

b) *Nội dung:* Học sinh đóng vai là nhà biên tập tài ba, làm phóng sự ngắn về mô hình nông nghiệp có hiệu quả tại địa phương hay sản phẩm của chính gia đình

c) *Sản phẩm:* bài làm của học sinh.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Địa phương em/ gia đình em có sản phẩm nông nghiệp nào có quy trình sản xuất tiên tiến, sản phẩm chất lượng muốn giới thiệu tới người tiêu dùng. Em hãy quay video giới thiệu về sản phẩm đó

+ *Thời gian thực hiện: 1 tuần*

+ *Cách thức: phóng sự ngắn*

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc ở nhà.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS nộp bài vào tiết sau trên Google drive hoặc Padlet

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm, thái độ của các.

DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN



Trần Thị Thúy Kiều